

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT  
TRIỂN NÔNG THÔN**

**QUYẾT ĐỊNH số 86/2001/QĐ-BNN  
ngày 23/8/2001 về việc ban hành  
Quy định tạm thời về công bố  
tiêu chuẩn chất lượng đối với  
hàng hóa chuyên ngành nông  
nghiệp.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT  
TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 73-CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 08 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 2425/2000/QĐ-BKHCNMT ngày 12 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành Quy định tạm thời về công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa;*

*Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm; Cục trưởng Cục Khuyến nông và khuyến lâm; Cục trưởng Cục Phát triển lâm nghiệp; Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật; Cục trưởng Cục Thú y,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này

Quy định tạm thời về công bố tiêu chuẩn chất lượng cho hàng hóa chuyên ngành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

**Điều 2.** Căn cứ vào Quy định tạm thời ban hành kèm Quyết định này các đơn vị sau đây có trách nhiệm hướng dẫn về mặt chuyên môn, theo dõi việc công bố tiêu chuẩn và quản lý chất lượng các loại hàng hóa được giao:

- Cục Bảo vệ thực vật: Thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;

- Cục Khuyến nông và khuyến lâm: Giống cây trồng, giống vật nuôi, thức ăn và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, phân bón; các chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt và chăn nuôi;

- Cục Phát triển lâm nghiệp: Giống cây lâm nghiệp;

- Cục Thú y: Thuốc thú y và nguyên liệu thuốc thú y;

- Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Các lĩnh vực trên trong phạm vi quản lý của tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Cục trưởng Cục Khuyến nông và khuyến lâm, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Phát triển lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Thú y và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn

*Thủ trưởng*

PHẠM HỒNG GIANG

## **QUY ĐỊNH TẠM THỜI về công bố tiêu chuẩn chất lượng đối với hàng hóa chuyên ngành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 86/2001/QĐ/BNN ngày 23/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

### **1. Đối tượng và phạm vi áp dụng.**

1.1. Quy định này hướng dẫn các tổ chức, cá nhân (dưới đây được gọi là doanh nghiệp) sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam trong lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại Nghị định số 86/CP ngày 08 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ bao gồm: giống cây trồng (bao gồm cả giống cây lâm nghiệp), giống vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và nguyên liệu thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, phân bón, các chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt và chăn nuôi tiến hành công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa (cho các mặt hàng có trong danh mục bắt buộc phải công bố tiêu chuẩn chất lượng) và chịu trách nhiệm về việc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã công bố của sản phẩm, hàng hóa do mình sản xuất hoặc kinh doanh.

1.2. Đối với hàng hóa nêu trên được sản xuất, chế biến thủ công, nguyên liệu, vật liệu, bán thành phẩm thuộc quy trình sản xuất hàng hóa nhưng để sử dụng trong nội bộ doanh nghiệp không bắt buộc phải công bố tiêu chuẩn chất lượng, nhưng được khuyến khích công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa.

1.3. Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nêu trên để sử dụng tại Việt Nam cũng phải công bố tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định này.

1.4. Sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý

của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nêu trên nhưng không nhằm mục đích kinh doanh mà chỉ sử dụng làm hàng mẫu, triển lãm, nghiên cứu không thuộc phạm vi bắt buộc công bố tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định này.

### **2. Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa được công bố.**

Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa được công bố bao gồm:

- Tiêu chuẩn cơ sở do doanh nghiệp tự xây dựng;

- Tiêu chuẩn Việt Nam;

- Tiêu chuẩn ngành;

- Các quy định kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố;

- Tiêu chuẩn quốc tế hoặc khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được doanh nghiệp chấp nhận để áp dụng đối với hàng hóa của mình và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Nội dung của tiêu chuẩn được công bố không được trái với các quy định do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để áp dụng trong cả nước.

### **3. Thủ tục công bố.**

Thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa được thực hiện theo Quyết định số 2425/2000/QĐ-BKHCMNT ngày 12 tháng 12 năm 2000 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và hướng dẫn, chỉ đạo của các cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định theo Điều 2 của Quyết định này.

### **4. Trách nhiệm của các cục, vụ thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

4.1. Các Cục Quản lý chuyên ngành phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm định kỳ hàng năm xây dựng Danh mục Hàng hóa phải công bố tiêu chuẩn chất

lượng thuộc lĩnh vực quản lý được phân công và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

4.2. Trách nhiệm quản lý ngành được phân công cụ thể như sau:

- Các Cục Quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa chuyên ngành trong phạm vi cả nước và trực tiếp đối với các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc các Bộ, ngành Trung ương, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài, các cơ sở sản xuất hàng hóa đặc biệt;

- Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa chuyên ngành cho các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

4.3. Các cơ quan nêu tại điểm 4.2 có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính phù hợp với các quy định của Nhà nước và trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ phải:

- Làm các thủ tục cần thiết để công nhận tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa và thông báo cho doanh nghiệp biết bằng văn bản nếu việc công bố tiêu chuẩn chất lượng của doanh nghiệp đã thực hiện theo đúng quy định.

- Thông báo và hướng dẫn cho doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng nếu nội dung công bố chưa đúng theo quy định hiện hành về chất lượng.

- Căn cứ vào phân công, phân cấp quản lý của Bộ, các cục, vụ và các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để tránh trùng lặp, bỏ sót và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý tiêu chuẩn chất lượng.

## 5. Trách nhiệm của doanh nghiệp.

5.1. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm và bảo đảm hàng hóa được công bố đáp ứng hoàn toàn các chỉ tiêu chất lượng đã công bố, trừ các trường hợp có quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc công bố tiêu chuẩn chất lượng, doanh nghiệp chỉ thực hiện một lần nếu không có sự thay đổi về chủng loại và quy trình sản xuất và chịu sự kiểm tra, kiểm nghiệm định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Sau khi hàng hóa được công bố tiêu chuẩn chất lượng, doanh nghiệp phải bảo đảm điều kiện sản xuất, kinh doanh để chất lượng sản phẩm, hàng hóa luôn được ổn định trong quá trình sản xuất, lưu thông đáp ứng đúng tiêu chuẩn đã công bố về mọi nội dung.

5.3. Trong quá trình sản xuất hoặc lưu thông hàng hóa, nếu doanh nghiệp không đảm bảo được các điều kiện để hàng hóa sản xuất ra phù hợp với các nội dung đã công bố thì doanh nghiệp phải báo cáo ngay với các cơ quan quy định tại điểm 4.2 mục 4 nói trên và các cơ quan hữu quan, đồng thời tiến hành các biện pháp xử lý kịp thời.

5.4. Sau khi đã khắc phục phần không phù hợp, doanh nghiệp được tiếp tục sử dụng Dấu tiêu chuẩn chất lượng và lưu thông hàng hóa bình thường; đồng thời thông báo cho cơ quan có trách nhiệm quy định tại điểm 4.2 mục 4 nói trên của Quy định này.

5.5. Doanh nghiệp có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ hồ sơ hàng hóa đã công bố tiêu chuẩn và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét khi có yêu cầu.

## 6. Công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm.

6.1. Các cơ quan có thẩm quyền theo điểm 4.2 mục 4 nói trên của Quy định này có trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ đối với các doanh nghiệp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo chế độ sau:

- Không quá 1 lần/1 năm đối với các doanh nghiệp được cấp chứng chỉ GMP, ISO, HACCP hoặc hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm tương đương.

- Không quá 2 lần/1 năm đối với cơ sở còn lại.

6.2. Việc kiểm tra định kỳ và lấy mẫu sản phẩm, hàng hóa để kiểm nghiệm do cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện được tiến hành đồng thời trong một lần. Việc phân tích chất lượng sản phẩm chỉ được tiến hành tại các phòng kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm chuyên ngành được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và công nhận.

6.3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở cấp trung ương được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định và ở địa phương do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định để quản lý theo từng ngành hàng phải lập sổ theo dõi tình hình công bố tiêu chuẩn chất lượng và công bố phù hợp tiêu chuẩn cho các loại mặt hàng của các doanh nghiệp, hàng quý tổng hợp, thông báo danh mục cho cơ quan quản lý chất lượng và cơ quan quản lý thị trường cùng cấp để phối hợp trong việc kiểm soát lưu thông hàng hóa chuyên ngành trên thị trường.

6.4. Trong quá trình kiểm tra, thanh tra nếu doanh nghiệp vi phạm về công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn  
*Thứ trưởng*

PHẠM HỒNG GIANG

## BỘ TÀI CHÍNH

### **THÔNG TƯ số 72/2001/TT-BTC ngày 28/8/2001 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2001/NĐ-CP ngày 01/8/2001 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.**

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 43/2001/NĐ-CP ngày 01/8/2001 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

## I. VỐN ĐIỀU LỆ

1. Các quy định về vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 43/2001/NĐ-CP ngày 01/8/2001 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

2. Vốn điều lệ đã góp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm là số vốn điều lệ do chủ sở hữu thực góp vào doanh nghiệp.

3. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được thành lập, tổ chức và hoạt động trước ngày Luật Kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực, có số vốn điều lệ thấp hơn mức vốn pháp định quy định tại Điều 4 Nghị định số 43/2001/NĐ-CP ngày 01/8/2001 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải xây dựng và báo cáo Bộ Tài chính phương án bổ sung đủ vốn điều lệ trong thời hạn 3 năm.